

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	v
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	vi
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.1. Tên chủ cơ sở:.....	1
1.2. Tên cơ sở:	1
1.2.1. Địa điểm cơ sở:	1
1.2.2. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	3
1.2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).....	3
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	3
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	3
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	5
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước.....	5
1.4.1. Nguyên liệu	5
1.4.2. Nhiên liệu	5
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	6
1.4.4. Nhu cầu sử dụng điện.....	6
1.4.5. Nhu cầu sử dụng hóa chất trong xử lý môi trường	7
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	8
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở	8
1.5.2. Số lượng công nhân viên.....	8
1.5.3. Tiến độ thực hiện dự án.....	9
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	10
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	10

2.2.	Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	10
2.2.1.	Đánh giá tác động việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận	10
2.2.2.	Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước	11
2.2.3.	Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh	11
2.2.4.	Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác.....	12
2.2.5.	Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.....	12
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ		13
3.1.	Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	13
3.1.1.	Thu gom, thoát nước mưa	13
3.1.2.	Thu gom, thoát nước thải	14
3.1.3.	Xử lý nước thải:.....	15
3.2.	Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	28
3.2.1.	Giảm thiểu tác động do ô nhiễm không khí bên trong nhà xưởng ...	28
3.2.2.	Giảm thiểu tác động do bụi và khí thải của phương tiện giao thông ra vào Nhà máy.....	28
3.2.3.	Giảm tác động do hoạt động của hệ thống lò hơi	29
3.2.4.	Giảm thiểu tác động do hoạt động đun nấu từ khu vực bếp ăn tập thể.	33
3.3.	Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	33
3.3.1.	Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	34
3.3.2.	Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTR công nghiệp thông thường.	35
3.4.	Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	35
3.5.	Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	36
3.5.1.	Đối với hệ thống đường ống cấp thoát nước.....	36

3.5.2.	Đối với bề tự hoại.....	37
3.5.3.	Đối với hệ thống xử lý nước thải	37
3.5.4.	Phòng chống sự cố từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	38
3.6.	Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	38
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....		39
4.1.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	39
4.2.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	40
4.3.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có).....	40
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....		41
5.1.	Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	41
5.2.	Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	43
CHƯƠNG 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....		45
6.1.	Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	45
6.1.1.	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	45
6.1.2.	Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	45
6.1.3.	Tổ chức có điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.....	46
6.2.	Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật ..	47
6.2.1.	Nước thải	47
6.2.2.	Khí thải	47
6.2.3.	Chất thải rắn	47
6.3.	Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	48
CHƯƠNG 7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....		49
CHƯƠNG 8. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....		50
PHỤ LỤC BÁO CÁO		51

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
GPS	:	Hệ thống định vị toàn cầu
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
KTQG	:	Kỹ Thuật Quốc Gia
NĐ-CP	:	Nghị định Chính Phủ
QĐ-UB	:	Quyết định Ủy Ban
TCVN	:	Tiêu Chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TNMT	:	Tài nguyên môi trường
Tp. HCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
TT-BTNMT	:	Thông tư – Bộ Tài Nguyên và Môi Trường
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XLCT	:	Xử lý chất thải
XLNT	:	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Vị trí giáp ranh của khu đất	2
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong một tháng.....	5
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của Nhà máy	5
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước cấp của đơn vị 8 tháng gần nhất	6
Bảng 1.5. Phân bổ lưu lượng nước cấp	6
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng điện	7
Bảng 1.7. Đặc tính hóa chất sử dụng.....	7
Bảng 1.8. Nhu cầu hóa chất sử dụng cho HTXLNT	7
Bảng 1.9. Các hạng mục chính của Cơ sở.....	8
Bảng 2.1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý	12
Bảng 3.1. Lưu lượng nước thải hiện tại của Nhà máy	15
Bảng 3.2. Phân bổ nước thải của Nhà máy	15
Bảng 3.3. Tóm tắt hệ thống xử lý nước thải đã lắp đặt.....	17
Bảng 3.4. Hạng mục công trình HTXLNT	23
Bảng 3.5. Các thiết bị lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.....	23
Bảng 3.6. Tóm tắt hệ thống xử lý khí thải đã lắp đặt.....	30
Bảng 3.7. Thành phần và khối lượng CTNH trong năm 2021	36
Bảng 5.1. Thống kê vị trí quan trắc nước thải.....	41
Bảng 5.2. Danh mục thông số quan trắc	41
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc nước thải	42
Bảng 5.4. Thống kê vị trí, điểm quan trắc khí thải	43
Bảng 5.5. Danh mục thông số quan trắc chất lượng không khí.....	43
Bảng 5.6. Kết quả quan trắc khí thải tại nguồn.....	44
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	45
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải.....	46
Bảng 6.3. Bảng tổng kinh phí quan trắc môi trường (tính cho 1 năm)	48

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Vị trí của nhà máy	2
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất tại Công ty	4
Hình 3.1. Sơ đồ mạng lưới thu gom nước mưa.....	13
Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải.....	14
Hình 3.3. Bể tự hoại 3 ngăn.....	16
Hình 3.4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải	18
Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	29
Hình 3.6. Quy trình xử lý khí thải lò hơi đốt vải vụn và củi dự kiến.....	31

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam

- Địa chỉ văn phòng: 1482 Tỉnh lộ 8, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Tp. HCM.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

Ông Bạch Quang Minh Chức vụ: **Giám đốc**

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 7, đường Dân Tộc, phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.HCM

Chỗ ở hiện tại: số 7, đường Dân Tộc, phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.HCM

- Điện thoại: 028 3735 5607

Email: thytruong@impulsefashionvn.net

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0315209301 đăng ký lần đầu 07/08/2018 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/05/2020.

1.2. Tên cơ sở:

Nhà máy may mặc Impulse Fashion Việt Nam, công suất 3 triệu sản phẩm/năm

1.2.1. Địa điểm cơ sở:

Địa điểm của nhà máy tại 1482 Tỉnh lộ 8, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Tp. HCM. Tổng diện tích đất là 23.867m². Các ranh giới khu đất như sau:

- + Phía Bắc: giáp với đường Tỉnh lộ 8;
- + Phía Nam: giáp Nhà máy Ô tô Củ Chi;
- + Phía Tây: giáp nhà xưởng cho thuê;
- + Phía Đông: giáp phòng trưng bày sản phẩm công ty Vinatex và đại lý cung cấp xe nâng hàng.

Bảng 1.1. Vị trí giáp ranh của khu đất

Điểm	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
1	106.590006	10.982737
2	106.590998	10.982642
3	106.590732	10.980849
4	106.589568	10.981097

Vị trí của nhà máy được trình bày trong hình 1.1.



Hình 1.1. Vị trí của nhà máy

Vị trí của “Nhà máy may mặc Impulse Fashion Việt Nam, công suất 3 triệu sản phẩm/năm” thuộc Lô IX-2, Cụm công nghiệp Tân Quy – khu B, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM. Cụm công nghiệp Tân Quy đã được Ủy ban nhân dân TP.HCM duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Tân Quy – khu B, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5306/QĐ-UBND ngày 06/12/2008.

Vị trí ô đất được xác định tại Thửa đất số 751, tờ bản đồ số 2 (theo tài liệu năm 2006), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 109270 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 26/10/2017.

Khu đất đã được Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam thuê lại làm Nhà máy may mặc theo Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 01/2018-IHOA VINA ngày 03/08/2018 giữa Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam và Công ty TNHH IHoa VINA.

1.2.2. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

Nhà máy đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường với công suất tối đa là 5 triệu sản phẩm/năm. Tuy nhiên trong quá trình triển khai và đi vào hoạt động, Công suất của nhà máy tối đa khoảng 3 triệu sản phẩm/năm. Do đó, công ty sẽ điều chỉnh giảm công suất từ 5 triệu sản phẩm/năm xuống còn 3 triệu sản phẩm/năm.

Dự án “Nhà máy may mặc Impulse Fashion Việt Nam, công suất 5 triệu sản phẩm/năm” tại xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi của Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. HCM phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 113/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 30/01/2019.

1.2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Dự án có tổng mức đầu tư là 21.750.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật đầu tư công, Dự án được phân loại là Dự án nhóm C.

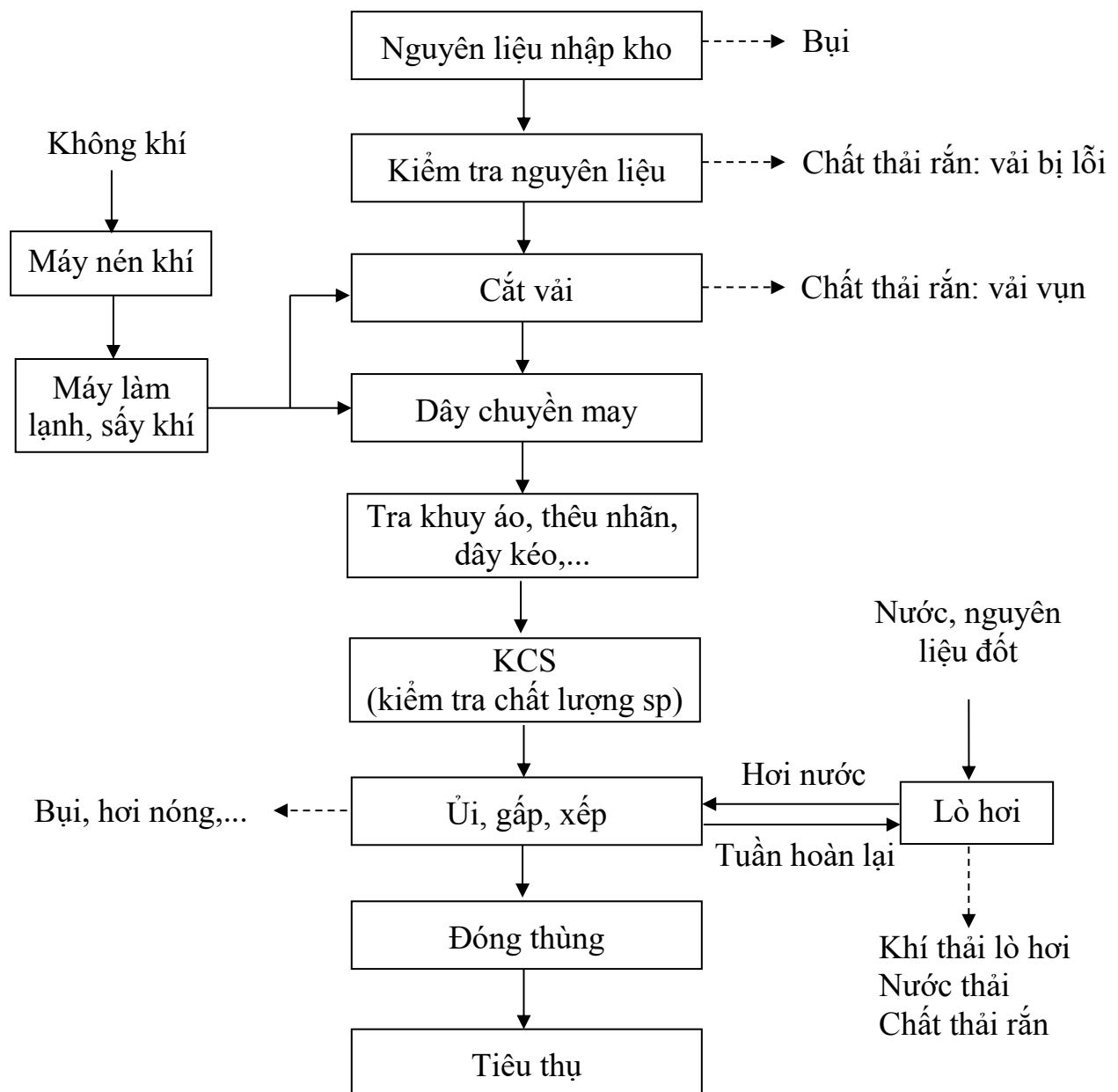
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất hoạt động của công ty là 3 triệu sản phẩm/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình công nghệ sản xuất của Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam theo quy trình như sau:



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất tại Công ty

Thuyết minh quy trình:

- Nguyên vật liệu (vải, chỉ, nút, ...) sau khi nhập về sẽ được vận chuyển vào kho và được nhân viên nhận hàng kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu. Sau khi kiểm tra, nguyên vật liệu đạt chất lượng sẽ được chuyển qua khâu sản xuất.
- Đối với vải sẽ được chuyển qua bàn cắt, vải sẽ được cắt theo mẫu do bộ phận thiết kế chuyển qua, tùy theo sản phẩm khác nhau mà vải sẽ được cắt khác nhau. Sau khi cắt xong, vải sẽ được đưa vào dây chuyền may, may thành sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Trong công đoạn này, ngoài may còn có vắt sổ, tra khuy áo, thêu hoa văn, dây kéo, ... theo yêu cầu của khách hàng.